TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 373/2017/QĐST- HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 09 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 637/2017/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa:

Bà Phạm Thị Hương L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số AB/4 đường BG, phường NAN, thành phố V, tỉnh B.

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số AB/4 đường BG, phường NAN, thành phố V, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Hương L và ông Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hương L và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/12/2004. Căn cứ vào nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của các đương sự, bà Phạm Thị Hương L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn văn C có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Bà Phạm Thị Hương L và ông Nguyễn Văn C mỗi người nộp 75.000 đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị Hương L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004757 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B thành tiền án phí, bà Nguyễn Thị Hương L được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP V.
- UBND xã Y,
- Lưu hồ sơ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.